

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2022

*V/v xin ly hôn và nuôi con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hòe và ông Nguyễn Xuân Thí

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Loan – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2021/TLST –HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2022/QĐ-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: đường Tr, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

*Bị đơn:* Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Hiện nay đang trú tại: đường Nam 2, khu T, thành phố C, Đ (Trung Quốc). Vắng mặt.

Thân nhân của chị Hoàng Thị M: Ông Hoàng Văn D (bố đẻ chị M); địa chỉ: Thôn D, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* anh B và chị Hoàng Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 20/01/2015. Sau khi kết hôn, 02 vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian tại nhà bố mẹ đẻ anh, đến năm 2018 do điều kiện kinh tế gặp khó khăn, vợ chồng bàn bạc để chị M đi xuất khẩu lao động nhằm cải thiện kinh tế gia đình. Nhưng

từ khi chị M đi đến nay thời gian đầu, vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng về sau thì chị M không liên lạc gì với anh. Nay anh xác định việc chị M đi xuất khẩu lao động đã lâu, hai bên không liên lạc, quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

*Về con chung:* anh Bình và chị Minh có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Thảo Nh, sinh ngày 30/4/2016, ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi con nhưng nếu chị M vẫn có nguyện vọng được nuôi con thì anh cũng đồng ý, anh sẽ tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

*Về tài sản chung:* anh B trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có ai nợ vợ chồng và vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Hoàng Thị M:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Hoàng Thị M qua Văn phòng kinh tế - văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, cụ thể Thông báo thụ lý vụ án dân sự; Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh B; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và một số giấy tờ liên quan theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình chưa nhận được phản hồi từ đương sự chị Hoàng Thị M cũng như của cơ quan đại diện Việt Nam tại Đài Loan. Tại phiên tòa chị Hoàng Thị M vẫn vắng mặt.

Thân nhân chị M, bà Bùi Thị D và ông Hoàng Văn D (bố, mẹ đẻ chị M) trình bày: chị Hoàng Thị M sinh năm 1990 có quen biết và kết hôn với anh B vào năm 2015, năm 2018 thì chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, quá trình con gái ông bà đi làm ăn vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Việc anh B làm đơn xin ly hôn, ông bà có nghe chị M điện thoại về nói, ông bà không có ý kiến gì; anh B và chị M có 01 đứa con gái Nguyễn Thị Thảo Nh, sinh ngày 30/4/2016 hiện cháu đang ở với ông bà, nguyện vọng của chị M là sau khi ly hôn vẫn tiếp tục nuôi cháu, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, trước mắt chị M chưa về Việt Nam nên ông bà sẽ có trách nhiệm chăm sóc cháu Nh, hàng tháng chị M vẫn gửi tiền về để ông bà nuôi cháu, vừa rồi chị M có điện về nói sẽ về Việt Nam nhưng do dịch bệnh nên chưa thể về được; về tài sản chung và nợ chung của B-M không có. Gia đình ông bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đồng ý để con cho chị M nuôi dưỡng.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập

chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh B được ly hôn chị M; Về con chung: giao cháu Nh cho chị M nuôi dưỡng, anh Bình cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, tạm thời trước mắt giao cháu Nhi cho ông D, bà D (bố mẹ đẻ chị M) nuôi dưỡng; Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét; về án phí và lệ phí đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi xem xét các lời khai của đương sự, tài liệu có tại hồ sơ vụ án; Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an tại Công văn số 28951/QLXNC-P5 ngày 30/11/2021 thì bị đơn chị Hoàng Thị M đã xuất cảnh qua sân bay quốc tế Nội Bài vào ngày 06/01/2019 cho đến nay chưa về Việt Nam, vì vậy xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phương thức tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là người nước ngoài: Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự quy định phương thức tổng đạt: “....*Theo đường dịch vụ bưu chính đến cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để tổng đạt cho đương sự là công dân Việt Nam ở nước ngoài*”, Toà án tỉnh Quảng Bình đã có văn bản đề nghị Văn phòng kinh tế - văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Hoàng Thị M theo đường bưu điện là đúng quy định pháp luật, phù hợp với hướng dẫn tại Công văn số: 33/TANDTC-HTQT ngày 21/02/2017 của Toà án nhân dân tối cao (tại mục 2 phần I) về việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

[1.3] Về sự vắng mặt của chị Hoàng Thị M: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án cho các đương sự theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong đó có ấn định rõ giờ, ngày tháng năm mở phiên họp hoà giải và phiên tòa. Tuy nhiên chị Hoàng Thị M vắng mặt,

vì vậy Tòa án lập biên bản không hòa giải được. Căn cứ vào Điều 228; điểm b khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị M theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét anh Nguyễn Thanh B và chị Hoàng Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau, tuy nhiên về sau thì hai bên không hề liên lạc với nhau, cuộc sống vợ chồng bỏ mặc. Xét thấy mục đích hôn nhân của anh B và chị M không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh B để xử cho anh B được ly hôn chị M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: anh B và chị M có 01 đứa con chung, Nguyễn Thị Thảo Nh, sinh ngày 30/4/2016 hiện nay đang ở với ông bà ngoại (bố, mẹ đẻ chị M), anh B đồng ý để chị M nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Cần ghi nhận sự tự nguyện của anh B về giao con chung cho chị M nuôi dưỡng và đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con và lệ phí ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng, đăng thông tin trên VOV5;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, 147, 153, 474, 477, 478, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Nguyễn Thanh B (sinh năm 1979) được ly hôn chị Hoàng Thị M (sinh năm 1990).

2. Về quan hệ con chung: giao con chung Nguyễn Thị Thảo Nh, sinh ngày 30/4/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời trước mắt bà Bùi Thị D và ông Hoàng Văn D (bố mẹ đẻ chị M) có trách nhiệm chăm sóc nuôi cháu Nh.

Anh B có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3/2022 cho đến khi cháu Nh trưởng thành 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp:

Anh B phải chịu nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2020/0002420 ngày 24/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Anh B còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Anh B phải chịu 2.608.500 đồng tiền lệ phí ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng và đăng thông tin trên VOV5 (đã nộp đủ tại Tòa án).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai, anh B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; chị M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, Tòa DS.

(đã ký)

**Nguyễn Thái Sơn**